

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 499 /ĐHYD-ĐT
V/v Công khai Đề án tuyển sinh
đại học năm 2023

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đại học Thái Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 383/KH-ĐHYD ngày 5 tháng 4 năm 2023 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2023.

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã thực hiện công khai Đề án tuyển sinh đại học năm 2023 trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023>; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên về nội dung của Đề án (kèm theo Công văn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Mã trường:** DTY.
- Địa chỉ trụ sở:** 284 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://tump.edu.vn/>
- Địa chỉ trang mạng xã hội:** <https://www.facebook.com/tuyensinhhtump>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02083 854 504; 02083 840 618; 02083 858 713
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**
 - Đường link công khai việc làm của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tump.edu.vn/category/tinh-trang-viec-lam>
 - Kết quả khảo sát SV có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp¹:

Năm khảo sát	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm (%)
Năm 2022	Y khoa	ĐH	623	621	529	97.16
	Răng-Hàm-Mặt	ĐH	53	72	50	100
	Dược học	ĐH	131	112	94	98.33
	Y học dự phòng	ĐH	100	78	5	100
	Điều dưỡng	ĐH	150	118	99	100
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	ĐH	50	39	35	100
			1107	1040	812	99.24

- Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:** công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/category/tuyen-sinh-dai-hoc>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: xét tuyển

¹ Đối tượng khảo sát là SV đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Y khoa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	600	707	26,20	360	420	25,75
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	200	93	29,71	236	181	26,50
		Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)				Không hạn chế	4	-
		Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường				50	25	-
		Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội để xét tuyển				70	12	20,0
2	Răng - Hàm - Mặt	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	60	26,25	42	21	26,75
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	14	29,72	27	26	28,00
3	Dược học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	222	25,20	144	170	24,80
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	6	29,47	96	50	23,00
4	Y học dự phòng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	67	21,80	39	60	21,80
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	8	27,52	26	8	22,40
5	Điều dưỡng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	250	318	21,50	210	150	19,00
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	150	61	25,85	140	48	19,60
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	56	24,85	36	32	24,20
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	3	28,78	24	15	22,50
7	Hộ sinh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	22	19,15	30	16	19,00
		Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	13	24,81	20	6	21,20
	Tổng		1690	1650		1550	1244	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tump.edu.vn/category/chuong-trinh-dao-tao-1>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y khoa	7720101	116/CP	23/7/1968	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Chính Phủ	1968	2022
2	Răng - Hàm - Mặt	7720501	960/QĐ-ĐT	28/12/2007	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2006	2022
3	Dược học	7720201	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Bộ GD&ĐT	2003	2022
4	Điều dưỡng	7720301	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	Bộ GD&ĐT	2003	2022
5	Y học dự phòng	7720110	911/QĐ-ĐT	28/12/2006	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2007	2022
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	716/QĐ-ĐHTN	26/4/2017	2584/QĐ-ĐHTN	30/11/2017	ĐHTN	2017	2022
7	Hộ sinh	7720302	1245/QĐ-BGDĐT	09/4/2021			Bộ GD&ĐT	2021	2022

10. Các điều kiện đảm bảo chất lượng: công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tump.edu.vn/category/cong-khai>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022

TT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/Ngành	Quy mô đào tạo ²
A	Sau đại học		
1	Tiến sĩ		
1.1	Sức khỏe		
1.1.1	Nhi khoa	9720106	4
1.1.2	Nội khoa	9720107	8
1.1.3	Y tế công cộng	9720701	17
2	Thạc sĩ		
2.1	Sức khỏe		
2.1.1	Ngoại khoa	8720104	9
2.1.2	Nhi khoa	8720106	30
2.1.3	Nội khoa	8720107	9
2.1.4	Y học dự phòng	8720163	39
B	Đại học		
3	Đại học chính quy		7216
3.1	Chính quy		6458
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Sức khỏe		6458
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	3423
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	292
3.1.2.1.3	Dược học	7720201	1090
3.1.2.1.4	Điều dưỡng	7720301	1056
3.1.2.1.5	Hộ sinh	7720302	55
3.1.2.1.6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	325
3.1.2.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	217
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		566
3.2.1	Sức khỏe		566
3.2.1.1	Y khoa	7720101	554
3.2.1.1	Dược học	7720201	12
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		121
3.3.1	Sức khỏe		121
3.3.1.1	Dược học	7720201	121
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		71
3.4.1	Sức khỏe		71
3.4.1.1	Y khoa	7720101	43
3.4.1.2	Dược học	7720201	4
3.4.1.3	Răng - Hàm - Mặt	7720501	24

² Không bao gồm sinh viên cử tuyển.

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của Trường (ha): 10,8 ha; Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 592 chỗ.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy: 5,6 m².

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	169	13830
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	650
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	130
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68	8610
1.4	Sổ phòng học dưới 50 chỗ	6	180
1.5	Sổ phòng học đa phương tiện	5	700
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	86	3560
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4365
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	34	2195
	Tổng	205	20390

10.2.2. Các thông tin khác

- Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên là bệnh viện thực hành chính của Trường;
- Ngoài ra, Trường còn có hệ thống các bệnh viện thực hành trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh khác như: Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La ...

10.3. Danh sách giảng viên

10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian: công khai tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/danh-sach-giang-vien-toan-thoi-gian-nam-2023> (Phụ lục I)

10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng: công khai tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/danh-sach-giang-vien-thinh-giang-nam-2023> (Phụ lục II)

11. Đề án tuyển sinh: Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2023>

II. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước
 2. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: theo Điều 7 của Quy chế (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022).
 3. Phương thức tuyển sinh (PTXT)

TT	Mã PTXT	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
4	303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường
5	402	Xét tuyển sớm theo kết quả đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức
6	500	PTXT khác (xét tuyển dự bị đại học và lưu học sinh người nước ngoài)

4. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển³

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
1	ĐH	7720101	Y khoa (600)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	270	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán

³ Sử dụng môn chính (Toán) làm tiêu chí phụ để xét ưu tiên khi có các thí sinh bằng điểm nhau. Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	168	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	06	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường	70	Theo Đề án của Trường					
				402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội để xét tuyển	50	Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội					
				500	PTXT khác	30	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						06	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					
2	ĐH	7720501	Răng Hàm Mặt (72)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	22	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường	09	Theo Đề án của Trường					
				402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội để xét tuyển	05	Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội					
				500	PTXT khác	04	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
							01	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài				
3	ĐH	7720201	Được học (205)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	111	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Vật lý, Hóa học(A00)	Toán
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Vật lý, Hóa học(A00)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường	25	Theo Đề án của Trường					
				402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội để xét tuyển	15	Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội					
				500	PTXT khác	10	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						02	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					
4	ĐH	7720110	Y học dự Phòng (75)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	50	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				500	PTXT khác	03	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						01	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
5	ĐH	7720301	Điều dưỡng (245)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	181	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	48	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				500	PTXT khác	12	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						02	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					
6	ĐH	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học (50)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	36	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				500	PTXT khác	02	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						01	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					
7	ĐH	7720302	Hộ sinh (35)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	26	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành (chỉ tiêu)	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (PTXT)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
							Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp môn/Mã tổ hợp	Môn chính
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	05	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)	Toán	Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07)	Toán	Toán, Sinh học, Tiếng Anh (D08)	Toán
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)					
				500	PTXT khác	02	Xét tuyển theo kết quả bồi dưỡng dự bị ĐH					
						01	Xét tuyển theo kết quả đào tạo bồi dưỡng lưu học sinh người nước ngoài					

5. Thông tin chi tiết của các phương thức tuyển sinh đại học chính quy

5.1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

5.1.1. Mã số phương thức xét tuyển: 100

5.1.2. Đối tượng xét tuyển

Người dự thi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2023 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

5.1.3. Điều kiện xét tuyển

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT công bố năm 2023;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (*thí sinh khuyết tật có thể liên hệ với Trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp*);
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

5.1.4. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (*Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022*).
- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm liền kề.
- Từ năm 2023, điểm ưu tiên (*khu vực, đối tượng*) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (*khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm*) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

5.1.5. Cách thức đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT vào tất cả các ngành đào tạo ĐH của Trường, các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (*nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất*).
- Hình thức ĐKXT: Trực tuyến trên hệ thống đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5.1.6. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Đăng ký, điều chỉnh và bổ sung NVXT: từ ngày 10/7 đến 17h00 ngày 30/7/2023.
- Nộp lệ phí trực tuyến theo hướng dẫn Bộ GD&ĐT: từ ngày 31/7 đến 17h00 ngày 6/8/2023.
- Tổ chức xét tuyển: từ ngày 12/8 đến 17h00 ngày 20/8/2023.
- Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1: 17h00 ngày 22/8/2023.
- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023
- Tuyển sinh đợt 2: từ ngày 07/9 đến tháng 12/2023 (*nếu có*)

5.1.7. Lệ phí xét tuyển: số tiền và cách thức nộp tiền theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

5.2. Xét kết quả học tập cấp THPT

5.2.1. Mã số phương thức xét tuyển: 200

5.2.2. Đối tượng tuyển sinh

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

5.2.3. Điều kiện tuyển sinh

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:
- + Đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;
- + Đối với các ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học: học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

- Có đầy đủ thông tin cá nhân và hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định.

5.2.4. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.

- Điểm cộng thành tích học tập theo quy định của Trường⁴

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
1	Giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh Giỏi Quốc gia thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	1,0
2	Giải Nhất kỳ thi học sinh Giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	0,75
3	Giải Nhì kỳ thi học sinh Giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	0,5
4	Giải Ba kỳ thi học sinh Giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lớp 12 thuộc các môn trong tổ hợp xét tuyển	0,25
5	Có kết quả xếp loại học lực Giỏi cả 03 năm THPT	0,5
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,0
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,5
9	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

⁴ Thí sinh có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích ở trên. Trường hợp thí sinh đạt điểm cộng thành tích học tập nhưng không nộp các giấy tờ theo yêu cầu trên hoặc nộp chậm so với thời gian quy định (tính theo dấu bưu điện), thí sinh sẽ không được hưởng điểm cộng thành tích theo quy định này.

- Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

5.2.5. Hồ sơ xét tuyển

- Đối với thí sinh đạt điểm cộng thành tích học tập theo quy định của Trường cần nộp bản sao có chứng thực⁵: căn cước công dân, chứng nhận đạt giải học sinh Giỏi các cấp, chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (nếu có). Những trường hợp còn lại, thí sinh không phải nộp hồ sơ (Nhà trường sẽ căn cứ vào dữ liệu đăng ký trực tuyến Bộ GD&ĐT để xét điều kiện trúng tuyển).

- Hồ sơ chuyển phát nhanh về Phòng Đào tạo, Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652 (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐH năm 2023; Mã số phương thức xét tuyển 200; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ).

5.2.6. Cách thức đăng ký xét tuyển

- Thí sinh được ĐKXT vào tất cả các ngành đào tạo ĐH của Trường, các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Hình thức ĐKXT: trực tuyến trên hệ thống đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5.2.7. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT): là tổng điểm trung bình chung học tập 6 học kỳ (bao gồm học kỳ 1 và học kỳ 2 của các năm lớp 10, 11, 12) của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có). Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Ví dụ: cách tính điểm cho tổ hợp B00 (Toán, Hóa học, Sinh học)

Môn	ĐTB HK1 lớp 10	ĐTB HK2 lớp 10	ĐTB HK1 lớp 11	ĐTB HK2 lớp 11	ĐTB HK1 lớp 12	ĐTB HK2 lớp 12
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	8,0
Hóa học	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	7,7
Sinh học	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	8,2
ĐXT = (7,8 + 7,9 + 7,9 + 8,0 + 8,1 + 8,0)/6 + (7,0 + 7,3 + 7,4 + 7,5 + 7,6 + 7,7)/6 + (8,0 + 8,3 + 7,9 + 8,0 + 8,3 + 8,2)/6 + điểm ưu tiên (nếu có)						

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

5.2.8. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Đăng ký, điều chỉnh và bổ sung NVXT: từ ngày 10/7 đến 17h00 ngày 30/7/2023.
- Tổ chức xét tuyển: từ ngày 12/8 đến 17h00 ngày 20/8/2023.
- Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1: 17h00 ngày 22/8/2023.
- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023
- Tuyển sinh đợt 2: từ ngày 07/9 đến tháng 12/2023 (nếu có)

5.2.9. Lệ phí xét tuyển.

⁵ Trường hợp thí sinh đạt điểm cộng thành tích học tập nhưng không nộp các giấy tờ theo yêu cầu trên hoặc nộp chậm sau 17h00 ngày 30/7/2023 (tính theo dấu bưu điện), thí sinh sẽ không được hưởng điểm cộng thành tích theo quy định này

Sau khi hết thời gian ĐKXT, Nhà trường sẽ thông báo và hướng dẫn thí sinh nộp lệ phí tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-ptxt-200>.

5.3. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)

5.3.1. Mã số phương thức xét tuyển: 301

5.3.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng vào các ngành tuyển sinh của Trường.

2. Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 được xét tuyển thẳng trong các trường hợp sau:

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh Giỏi quốc gia, Quốc tế được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành mà trong tổ hợp môn xét tuyển có môn thí sinh đoạt giải; thời hạn đoạt giải tính đến ngày 30/6/2023 không quá 3 năm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia, Quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức/cử tham gia được xem xét tuyển thẳng vào ngành phù hợp với nội dung/đề tài và thí sinh phải bảo vệ được nội dung nghiên cứu của mình trước Hội đồng. Thời hạn đoạt giải tính đến ngày 30/6/2023 không quá 3 năm.

5.3.3. Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh được đăng ký NVXT vào nhiều ngành, nhưng phải sắp xếp các NVXT theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (số 1 NVXT cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

5.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: không giới hạn.

5.3.5. Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (tải mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phiếu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2023>);

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ xác nhận thuộc đối tượng dự tuyển (Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia...);

- 01 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh.

5.3.6. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh khai báo xét tuyển tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-301>; đồng thời gửi hồ sơ đến địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường ĐHY - Dược, ĐHY Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652 (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐHY năm 2023; Mã số phương thức xét tuyển 301; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ).

- Nếu được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT.

5.3.7. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01/6/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 (tính theo dấu bưu điện).

- Xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh: ngày 05/7/2023

- Xác nhận nhập học trên Hệ thống: từ ngày 05/7 đến 17h00 ngày 15/8/2023 (những thí sinh đã xác nhận nhập học sẽ không được đăng ký NVXT tiếp theo, trừ các trường hợp được Hiệu trưởng cho phép không nhập học). Trong trường hợp chưa xác nhận nhập học, thí sinh có thể tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống, nếu trúng tuyển thí sinh sẽ xác nhận nhập học theo lịch chung.

5.3.8. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-ptxt-301>)

5.4. Xét tuyển theo Đề án của Trường

5.4.1. Mã số phương thức xét tuyển: 303

5.4.2. Đối tượng tuyển sinh

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2023 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

5.4.3. Điều kiện tuyển sinh

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định.

5.4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Dành khoảng 10% chỉ tiêu của ngành để xét tuyển theo Đề án của Trường:

- Ngành Y khoa : 70 chỉ tiêu
- Ngành Răng - Hàm - Mặt : 09 chỉ tiêu
- Ngành Dược học : 25 chỉ tiêu

5.4.5. Ngành, đối tượng, phân bổ chỉ tiêu và nguyên tắc xét tuyển

Ngành tuyển sinh	Đối tượng	Yêu cầu	Chỉ tiêu ⁶ (dự kiến)	Nguyên tắc xét tuyển ⁷
Y khoa	1	Thí sinh đáp ứng đủ 02 điều kiện: 1. Đạt giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh Giỏi cấp Quốc gia thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học. 2. Đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học.	20	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự: 1. Giải khuyến khích kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia 2. Giải Nhất kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 3. Giải Nhì kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 4. Giải Ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
	2	Thí sinh đáp ứng đủ 02 điều kiện: 1. Có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.5 trở lên (tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng). 2. Có kết quả xếp loại học lực	30	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự điểm IELTS từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

⁶ Nếu xét tuyển theo từng nhóm đối tượng không hết chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho đối tượng tiếp theo (thứ tự nhóm 1,2,3).

⁷ Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn điều kiện nhưng vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường sẽ lấy DTB cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

Ngành tuyển sinh	Đối tượng	Yêu cầu	Chỉ tiêu ⁶ (dự kiến)	Nguyên tắc xét tuyển ⁷
		Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.		
	3	Thí sinh đáp ứng đủ 03 điều kiện: 1. Tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT Chuyên trên cả nước thuộc một trong các lớp chuyên: Toán, Hóa học, Sinh học. 2. Có giải Khuyến khích trở lên kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học. 3. Có kết quả xếp loại học lực Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.	20	Xét tuyển theo thứ tự từ cao đến thấp của tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 các môn Toán, Hóa học, Sinh học cho đến hết chỉ tiêu.
Răng Hàm Mặt	1	Thí sinh đoạt các giải: 1. Đoạt giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học. 2. Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi chọn học sinh Giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học.	02	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự: 1. Giải khuyến khích kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia 2. Giải Nhất kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 3. Giải Nhì kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 4. Giải Ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
	2	Thí sinh đáp ứng đủ 02 điều kiện: 1. Có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.5 trở lên (<i>tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng</i>). 2. Có kết quả xếp loại học lực Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.	05	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự điểm IELTS từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.
	3	Thí sinh đáp ứng đủ 03 điều kiện: 1. Tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT Chuyên trên	02	Xét tuyển theo thứ tự từ cao đến thấp của tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 các môn Toán, Hóa học, Sinh học cho

Ngành tuyển sinh	Đối tượng	Yêu cầu	Chỉ tiêu ⁶ (dự kiến)	Nguyên tắc xét tuyển ⁷
		cả nước thuộc một trong các lớp chuyên: Toán, Hóa học, Sinh học. 2. Có giải Khuyến khích trở lên kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học. 3. Có kết quả xếp loại học lực Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.		đến hết chỉ tiêu.
Dược học	1	Thí sinh đoạt các giải: 1. Đoạt giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Vật lý. 2. Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc một trong các môn Toán, Hóa học, Vật lý.	08	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự: 1. Giải khuyến khích kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia 2. Giải Nhất kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 3. Giải Nhì kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 4. Giải Ba kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
	2	Thí sinh đáp ứng đủ 02 điều kiện: 1. Có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.5 trở lên (<i>tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng</i>). 2. Có kết quả xếp loại học lực Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.	10	Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự điểm IELTS từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.
	3	Thí sinh đáp ứng đủ 03 điều kiện: 1. Tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT Chuyên trên cả nước thuộc một trong các lớp chuyên: Toán, Hóa học, Vật lý. 2. Có giải Khuyến khích trở lên kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc	07	Xét tuyển theo thứ tự từ cao đến thấp của tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 các môn Toán, Hóa học, Vật lý cho đến hết chỉ tiêu.

Ngành tuyển sinh	Đối tượng	Yêu cầu	Chỉ tiêu ⁶ (dự kiến)	Nguyên tắc xét tuyển ⁷
		một trong các môn Toán, Hóa học, Vật lý. 3. Có kết quả xếp loại học lực Giỏi ba năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.		

5.4.6. Hồ sơ xét tuyển⁸

- Phiếu đăng ký xét tuyển (tải mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phiếu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2023>)
- Học bạ THPT (bản sao có chứng thực);
- Các minh chứng đoạt giải học sinh Giỏi/chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (bản sao có chứng thực).
- Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

5.4.7. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh khai báo xét tuyển tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-303>; đồng thời hồ sơ chuyển phát nhanh về Phòng Đào tạo, Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652 (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐH năm 2023; Mã số phương thức xét tuyển 303; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ).

- Nếu được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT.

5.4.8. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01/6/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 (tính theo dấu bưu điện).
- Xét tuyển sớm, thông báo kết quả cho thí sinh và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên Hệ thống: trước 17h00 ngày 08/7/2023.
- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023

5.4.9. Lệ phí xét tuyển: 60.000đ/hồ sơ (nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-ptxt-303>).

5.5. Xét tuyển sớm theo kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội

5.5.1. Mã số phương thức xét tuyển: 402

5.5.2. Đối tượng xét tuyển

Người dự thi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2023 tại Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT tại thời điểm xét tuyển.

5.5.3. Điều kiện xét tuyển

Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên;
- Có kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2023 của ĐH Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ≥ 80 điểm;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

⁸ Một thí sinh có thể nộp hồ sơ vào nhiều nhóm đối tượng (nếu đủ điều kiện). Mỗi ngành, mỗi nhóm đối tượng thí sinh phải nộp 01 bộ hồ sơ riêng

- Nộp đủ lệ phí xét tuyển theo quy định.

5.5.4. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, điểm xét tuyển và nguyên tắc xét tuyển

Ngành	Chỉ tiêu (7% ngành)	Điểm xét tuyển	Nguyên tắc xét tuyển
Y khoa	50	- Điểm xét tuyển là tổng điểm của bài thi đánh giá năng lực (được quy đổi); cộng với điểm ưu (nếu có).	- Dựa vào điểm xét tuyển, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết chỉ tiêu.
Răng - Hàm - Mặt	05	- Điểm bài thi đánh giá năng lực được quy đổi sang thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Điểm quy đổi = (Điểm bài thi ĐGNL x 30)/150.	- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán làm tiêu chí phụ để xét tuyển.
Dược học	15	- Điểm ưu tiên (nếu có): theo Điều 7 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022).	

5.5.5. Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (tải mẫu Phiếu tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phiếu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2023>);

- Học bạ THPT (bản sao có chứng thực);
- Kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN (bản sao có chứng thực).
- Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)

5.5.6. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh khai báo xét tuyển tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-402>; đồng thời gửi hồ sơ đến địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652. (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐH năm 2023; Mã số phương thức xét tuyển 402; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ).

- Nếu được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT.

5.5.7. Thời gian tổ chức xét tuyển

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01/6/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 (tính theo dấu bưu điện).
- Xét tuyển sớm, thông báo kết quả cho thí sinh và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên Hệ thống: trước 17h00 ngày 08/7/2023.
- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023

5.5.8. Lệ phí xét tuyển: 60.000đ/hồ sơ (nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-ptxt-402>;

5.6. Xét tuyển học sinh dự bị đại học

5.6.1. Mã số phương thức xét tuyển: 500

5.6.2. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh các Trường Dự bị dân tộc Trung Ương Việt Trì, Dự bị Sầm Sơn Thanh Hóa và Trường Vùng cao Việt Bắc.

5.6.3. Điều kiện tuyển sinh

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng dự bị ĐH;
- Đạt ngưỡng đầu vào ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (do Bộ GD&ĐT quy định tại năm mà học sinh được xét vào học dự bị ĐH);

- Điểm trung bình từng môn bồi dưỡng dự bị ĐH (thuộc tổ hợp xét tuyển) $\geq 7,0$;
- Kết quả rèn luyện cả năm dự bị ĐH đạt từ Khá trở lên;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

5.6.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Dành khoảng 5% chỉ tiêu của ngành để xét tuyển học sinh dự bị ĐH:

- | | |
|-----------------------------------|---------------|
| - Ngành Y khoa | : 30 chỉ tiêu |
| - Ngành Răng - Hàm - Mặt | : 04 chỉ tiêu |
| - Ngành Dược học | : 10 chỉ tiêu |
| - Ngành Y học dự phòng | : 03 chỉ tiêu |
| - Ngành Điều dưỡng | : 12 chỉ tiêu |
| - Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học | : 02 chỉ tiêu |
| - Ngành Hộ sinh | : 02 chỉ tiêu |

5.6.5. Hồ sơ tuyển sinh

- Danh sách kèm theo Công văn đề nghị xét tuyển của Trường bồi dưỡng dự bị ĐH;
- Bằng tốt nghiệp THPT (*bản sao có chứng thực*);
- Học bạ THPT (*bản sao có chứng thực*);
- Phiếu xác nhận điểm thi THPT (*bản sao có chứng thực*);
- Phiếu xác nhận điểm bồi dưỡng dự bị ĐH (*bản sao có chứng thực*);

5.6.6. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh khai báo đăng ký xét tuyển tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-500>; đồng thời gửi hồ sơ đến địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường ĐHY - Dược, ĐHTN, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652 (*ngoài bì hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐHY năm 2023; Mã xét tuyển 500; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ*).

- Nếu được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT.

5.6.7. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo thứ tự từ cao đến thấp của tổng điểm trung bình các môn bồi dưỡng dự bị ĐH (thuộc tổ hợp xét tuyển) cho đến hết chỉ tiêu Mục 5.6.4.

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình môn Toán của chương trình bồi dưỡng dự bị ĐH làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

5.6.8. Thời gian tổ chức xét tuyển

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01/6/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 (*tính theo dấu bưu điện*).
- Xét tuyển sớm, thông báo kết quả cho thí sinh và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên Hệ thống: trước 17h00 ngày 08/7/2023.
- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023

5.7. Xét tuyển lưu học sinh người nước ngoài

5.7.1. Mã số phương thức xét tuyển: 500

5.7.2. Đối tượng tuyển sinh

Là lưu học sinh (LHS) người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam theo thỏa thuận, hợp đồng đào tạo giữa Nhà trường với các tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

5.7.3. Điều kiện xét tuyển: thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Đối với tuyển sinh đào tạo liên thông ngành Y khoa (phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ), ngành Dược học (phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Dược);

- Điểm trung bình cả năm lớp 12 của từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (thang điểm 10);

- Có trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định;

- Có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5.7.4. Chỉ tiêu, ngành tuyển sinh, hình thức đào tạo và tổ hợp xét tuyển

TT	Ngành	Chỉ tiêu ⁹ (1% chỉ tiêu ngành)	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo (Dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển (Lớp 12)
1	Y khoa	06	Chính quy	6 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Sinh học, Tiếng Anh
			Liên thông chính quy	6 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
2	Răng - Hàm - Mặt	01	Chính quy	6 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
3	Dược học	02	Chính quy	5 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Vật lý, Hóa học
			Liên thông chính quy	5 năm	Toán, Hóa học, Vật lý
4	Y học dự phòng	01	Chính quy	6 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Sinh học, Tiếng Anh
5	Điều dưỡng	02	Chính quy	4 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Sinh học, Tiếng Anh

⁹ Nếu chỉ tiêu tuyển sinh ngành này không được sử dụng hết sẽ chuyển cho ngành khác

TT	Ngành	Chỉ tiêu ⁹ (1% chỉ tiêu ngành)	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo (Dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển (Lớp 12)
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	01	Chính quy	4 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Sinh học, Tiếng Anh
7	Hộ sinh	01	Chính quy	4 năm	Toán, Hóa học, Sinh học
					Toán, Hóa học, Tiếng Anh
					Toán, Sinh học, Tiếng Anh

5.7.5. Hồ sơ xét tuyển¹⁰

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển (tải mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phiieu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2023>);

(2) Bản sao, bản dịch bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (có công chứng sao y bản chính hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đi đào tạo kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

(3) Bản sao, bản dịch bảng điểm bậc đào tạo trung học phổ thông (có công chứng sao y bản chính hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đi đào tạo kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);

(4) Chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc minh chứng về các trường hợp được miễn kiểm tra tiếng Việt (đối với LHS đã có chứng chỉ tiếng Việt theo quy định);

(5) Bản sao hộ chiếu có thời hạn ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

(6) Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp;

(7) Cam kết về khả năng chi trả tài chính đảm bảo học tập, sinh hoạt tại Việt Nam (đối với LHS tự túc) hoặc giấy tờ bảo lãnh tài chính đối với LHS theo học hưởng học bổng tài trợ từ các chương trình, dự án, nhà tài trợ;

(8) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp; bảng điểm Trung cấp hoặc Cao đẳng phù hợp với ngành dự tuyển (đối với LHS dự tuyển sinh liên thông chính quy);

5.7.6. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh khai báo đăng ký xét tuyển tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/dang-ky-xet-tuyen-ptxt-500>; đồng thời gửi hồ sơ đến địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường ĐH Y - Dược, ĐH Thái Nguyên, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 854 504 hoặc 02083 655 652 (ngoài bì túi hồ sơ ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển ĐH năm 2023; Mã xét tuyển 500; Họ và tên thí sinh; Ngày tháng năm sinh; Ngành xét tuyển; Liệt kê đầy đủ các tài liệu có trong túi hồ sơ).

- Nếu được Nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của Bộ GD&ĐT.

5.7.7. Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, điểm xét tuyển làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào điểm xét tuyển, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

5.7.8. Thời gian tổ chức xét tuyển

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01/6/2023 đến 17h00 ngày 30/6/2023 (tính theo dấu bưu điện).

- Xét tuyển sớm, thông báo kết quả cho thí sinh và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên Hệ thống: trước 17h00 ngày 08/7/2023.

- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên hệ thống: trước 17h00 ngày 06/9/2023

5.7.9. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (nộp vào tài khoản của Trường theo hướng dẫn tại địa chỉ <http://tuyensinh.tump.edu.vn/article/huong-dan-nop-le-phi-xet-tuyen-ptxt-500>).

¹⁰ Đối với lưu học sinh Lào diện tự túc kinh phí cần có thêm công văn của Đại sứ quán Lào tại Việt Nam đề nghị Nhà trường tạo điều kiện xét tuyển trong lúc chờ Quyết định của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào, LHS chỉ nhận được Quyết định trúng tuyển khi có Quyết định của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

5.7.10. Học phí và các khoản thu đào tạo

- Học phí dự kiến: 30.000.000 đồng/người/năm. Trường hợp LHS học lại hoặc học cải thiện điểm phải nộp chi phí tương ứng với mức quy định của từng tín chỉ theo quy định hiện hành.

- LHS tự chi trả sinh hoạt phí và các chi phí cá nhân liên quan.

- Học dự bị Tiếng Việt (nếu có): đối với LHS Lào là 15.000.000đ/ học viên/khóa; LHS khu vực Đông - Nam - Á là 20.800.000đ/ học viên/khóa.

III. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã có bằng tốt nghiệp THPT;
- Người đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên;

2. Điều kiện tuyển sinh

- Đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 4;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định;
- Nộp đủ lệ phí tuyển sinh theo quy định.

3. Phạm vi tuyển sinh: cả nước.

4. Đảm bảo chất lượng đầu vào: Thí sinh đạt MỘT trong 02 tiêu chí sau

- Học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên;
- Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên

5. Tổ hợp môn xét tuyển: Toán, Hóa học, Sinh học (lớp 12)

6. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã PTXT	Tên PTXT	Chỉ tiêu (30% chỉ tiêu khối ngành:449)	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	ĐH	7720301	Điều dưỡng	200	Xét kết quả cấp THPT	300	ĐHTN	2023
2	ĐH	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	200	Xét kết quả cấp THPT	100	ĐHTN	2023
3	ĐH	7720302	Hộ sinh	200	Xét kết quả cấp THPT	49	ĐHTN	2023

7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.

- Điểm cộng thành tích học tập theo quy định của Trường¹¹

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
4	Đã có bằng tốt nghiệp trình độ Sau đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	1,00
5	Đã có bằng tốt nghiệp trình độ Đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	0,75
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,00
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,50
9	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

- Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

8. Hồ sơ xét tuyển

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển¹² theo mẫu (tải mẫu Phiếu tại <http://tuyensinh.tump.edu.vn/forms/mau-phiieu-dang-ky-xet-tuyen-dh-2023>).

(2) Bản sao Giấy khai sinh (bản sao từ bản gốc);

(3) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);

(4) Học bạ THPT¹³ (bản sao có chứng thực);

(5) Bản sao có chứng thực đề hưởng chính sách ưu tiên ở Mục 7 (nếu có);

(6) Phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh.

9. Tổ chức tuyển sinh

9.1. Thời gian và điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển

- Phát hành và nhận hồ sơ: Tháng 8-9/2023 (nhận nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường).

¹¹ Người có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích.

¹² Thí sinh đang công tác: cơ quan quản lý trực tiếp đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận. Thí sinh tự do: địa phương nơi cư trú đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận.

¹³ Không chấp nhận bản sao điểm/học bạ THPT (chỉ chấp nhận sao y bản chính từ học bạ gốc)

- Xét, công bố trúng tuyển và xác nhận nhập học: Dự kiến tháng 10-12/2023.

9.2. *Tổ hợp môn xét tuyển:* Toán, Hóa học, Sinh học (lớp 12)

10. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có). ĐXT được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

11. **Lệ phí xét tuyển:** 200.000đ/hồ sơ (nộp trực tiếp tại Trường khi nộp hồ sơ tuyển sinh).

IV. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG

1. Tuyển sinh đại học liên thông chính quy ngành Y khoa cho đối tượng đã có Bằng tốt nghiệp Trung cấp Y (Y sĩ)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Người đã có Bằng Y sĩ đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện tuyển sinh

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại Mục 1.5;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.
- Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.

1.3. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản cho phép mở mã ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
7720101	Y khoa	120	116/CP	23/7/1968	Bộ GD&ĐT	1968

1.5. Đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh đạt MỘT trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại Giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023);
- Tốt nghiệp Y sĩ đạt loại Giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp Y sĩ đạt loại Khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023).

1.6. *Tổ hợp môn xét tuyển:* Toán, Hóa học, Sinh học (lớp 12)

1.7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.

- Điểm cộng khuyến khích theo quy định của Trường¹⁴

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
1	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Xuất sắc	1,00
2	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Giỏi	0,75
3	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Khá	0,50
4	Đã có bằng tốt nghiệp trình độ Sau đại học thuộc khối ngành sức khỏe	1,00
5	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,00
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,50
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

- Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

1.8. Hồ sơ xét tuyển

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển¹⁵ (thí sinh điền đầy đủ thông tin, ký ghi rõ họ tên, dán ảnh đóng dấu giáp lai) có xác nhận theo đúng mẫu của Trường;
- (2) Bản sao Giấy khai sinh (sao từ bản gốc);
- (3) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- (4) Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực)¹⁶;
- (5) Bằng tốt nghiệp trình độ Đại học (bản sao có chứng thực);
- (6) Bảng điểm toàn khóa học trình độ Đại học (bản sao có chứng thực).
- (7) Các minh chứng quá trình công tác (bản sao có chứng thực)

¹⁴ Người có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích.

¹⁵ Thí sinh đang công tác: cơ quan quản lý trực tiếp đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận. Thí sinh tự do: địa phương nơi cư trú đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận.

¹⁶ Không chấp nhận bản sao điểm/học bạ THPT (chỉ chấp nhận sao y bản chính từ học bạ gốc)

- Đối với thí sinh là công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở Y tế công lập: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc Quyết định phân công công tác, Quyết định chuyển mã ngạch (nếu có);

- Đối với thí sinh đang công tác tại các cơ sở Y tế tư nhân và lao động hợp đồng: Hợp đồng lao động (bản sao có chứng thực); Giấy xác nhận thời gian công tác đúng chuyên môn đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp; Bảng ghi quá trình đóng bảo hiểm có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề Y được tư nhân của đơn vị công tác. Trường hợp thí sinh công tác tại nhiều cơ quan, đơn vị thì tại mỗi cơ quan, đơn vị phải có giấy xác nhận tương ứng với thời gian công tác;

- Đối với thí sinh tự do nhưng trước đây đã có thời gian công tác, ngoài những minh chứng nêu tại nội dung trên, cần bổ sung minh chứng đã chấm dứt hợp đồng lao động;

(8) Bản sao có chứng thực để hưởng chính sách ưu tiên ở Mục 1.7 (nếu có).

(9) Phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh.

1.9. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn Toán, Hóa học, Sinh học + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

1.10. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 01-30/6/2023

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01-30/7/2023

- Thông báo thí sinh trúng tuyển: trước ngày 30/8/2023

- Tổ chức nhập học: trước ngày 10/9/2023

- Tuyển sinh đợt 2: từ ngày 07/9 đến tháng 12/2023 (nếu có)

1.11. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (nộp trực tiếp tại Trường khi nộp hồ sơ tuyển sinh).

2. Tuyển sinh đại học liên thông chính quy ngành Y khoa và ngành Răng - Hàm - Mặt cho đối tượng đã có Bằng tốt nghiệp Đại học thuộc khối ngành Sức khỏe

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Người đã có Bằng tốt nghiệp trình độ ĐH thuộc nhóm ngành Sức khỏe, đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2.2. Điều kiện tuyển sinh

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại Mục 2.5;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.

- Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.

2.3. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

2.4. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7720101	Y khoa	27	116/CP	23/7/1968	Chính Phủ	1968
2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	18	960/QĐ-ĐT	28/12/2007	ĐHTN	2007

2.5. Đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh đạt **MỘT** trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại Giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023);
- Tốt nghiệp trình độ ĐH đạt loại Giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp trình độ ĐH đạt loại Khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023).

2.6. *Tổ hợp môn xét tuyển*: Toán, Hóa học, Sinh học (lớp 12)

2.7. *Chính sách ưu tiên*

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.
- Điểm cộng khuyến khích theo quy định của Trường¹⁷

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
1	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Xuất sắc	1,00
2	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Giỏi	0,75
3	Tốt nghiệp ĐH đạt loại Khá	0,50
4	Đã có bằng tốt nghiệp trình độ Sau đại học thuộc khối ngành sức khỏe	1,00
5	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,00
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,50
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày được cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

¹⁷ Người có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích.

- Điểm ưu tiên (*khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích*) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (*khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm*) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

2.8. Hồ sơ xét tuyển

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển¹⁸ (thí sinh điền đầy đủ thông tin, ký ghi rõ họ tên, dán ảnh đóng dấu giáp lai) có xác nhận theo đúng mẫu của Trường;

(2) Bản sao Giấy khai sinh (*sao từ bản gốc*);

(3) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (*bản sao có chứng thực*);

(4) Học bạ THPT¹⁹ hoặc tương đương (*bản sao có chứng thực*);

(5) Bằng tốt nghiệp trình độ Đại học (*bản sao có chứng thực*);

(6) Bảng điểm toàn khóa học trình độ Đại học (*bản sao có chứng thực*).

(7) Các minh chứng quá trình công tác (*bản sao có chứng thực*)

- Đối với thí sinh là công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở y tế công lập: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc Quyết định phân công công tác, Quyết định chuyển mã ngạch (*nếu có*);

- Đối với thí sinh đang công tác tại các cơ sở y tế tư nhân và lao động hợp đồng: Hợp đồng lao động; Giấy xác nhận thời gian công tác đúng chuyên môn đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp; Bảng ghi quá trình đóng bảo hiểm có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề y dược tư nhân của đơn vị công tác. Trường hợp thí sinh công tác tại nhiều cơ quan, đơn vị thì tại mỗi cơ quan, đơn vị phải có giấy xác nhận tương ứng với thời gian công tác;

- Đối với thí sinh tự do nhưng trước đây đã có thời gian công tác, ngoài những minh chứng nêu tại nội dung trên, cần bổ sung minh chứng đã chấm dứt hợp đồng lao động;

(8) Bản sao có chứng thực để hưởng chính sách ưu tiên ở Mục 2.7 (*nếu có*).

(9) Phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh.

2.9. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn Toán, Hóa học, Sinh học + Điểm ưu tiên (*nếu có*).

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

2.10. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 01-30/6/2023

- Nhận hồ sơ: từ ngày 01-30/7/2023

- Thông báo thí sinh trúng tuyển: trước ngày 30/8/2023

- Tổ chức nhập học: trước ngày 10/9/2023

- Tuyển sinh đợt 2: từ ngày 07/9 đến tháng 12/2023 (*nếu có*)

2.11. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (*nộp trực tiếp tại Trường khi nộp hồ sơ tuyển sinh*).

¹⁸ Đối với thí sinh đang công tác: cơ quan quản lý trực tiếp đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận. Đối với thí sinh tự do: địa phương nơi cư trú đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận.

¹⁹ Không chấp nhận bản sao điểm/học bạ THPT (chỉ chấp nhận sao y bản chính từ học bạ gốc)

3. Tuyển sinh đại học liên thông chính quy cho đối tượng đã có Bằng Cao đẳng ngành Dược học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Người đã có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Dược, đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

3.2. Điều kiện tuyển sinh:

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại Mục 3.5;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.

3.3. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

3.4. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản cho phép mở mã ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
7720201	Dược học	50	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SDH	21/8/2003	Bộ GD&ĐT	2003

3.5. Đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh đạt MỘT trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại Giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại Khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023);
- Tốt nghiệp Cao đẳng Dược đạt loại Giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp Cao đẳng Dược đạt loại Khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/6/2023).

3.6. Tổ hợp môn xét tuyển: Toán, Hóa học, Vật lý (lớp 12)

3.7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.

- Điểm cộng khuyến khích theo quy định của Trường²⁰

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
1	Tốt nghiệp cao đẳng Dược đạt loại Xuất sắc	1,00
2	Tốt nghiệp cao đẳng Dược đạt loại Giỏi	0,75
3	Tốt nghiệp cao đẳng Dược đạt loại Khá	0,50
4	Đã có bằng trình độ Sau đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	1,00
5	Đã có bằng trình độ Đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	0,75
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,00
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,50
9	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

²⁰ Người có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích.

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

- Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

3.8. Hồ sơ xét tuyển

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển²¹ (thí sinh điền đầy đủ thông tin, ký ghi rõ họ tên, dán ảnh đóng dấu giáp lai) có xác nhận theo đúng mẫu của Trường;
- (2) Bản sao Giấy khai sinh (sao từ bản gốc);
- (3) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- (4) Học bạ THPT²² hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- (5) Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Dược (bản sao có chứng thực);
- (6) Bảng điểm toàn khóa học Cao đẳng Dược (bản sao có chứng thực);
- (7) Các minh chứng quá trình công tác (bản sao có chứng thực):
 - Đối với thí sinh là công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở Y tế công lập: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc Quyết định phân công công tác, Quyết định chuyển mã ngạch (nếu có);
 - Đối với thí sinh đang công tác tại các cơ sở Y tế tư nhân và lao động hợp đồng: Hợp đồng lao động; Giấy xác nhận thời gian công tác đúng chuyên môn đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề Y dược tư nhân của đơn vị công tác. Trường hợp thí sinh công tác tại nhiều cơ quan, đơn vị thì tại mỗi cơ quan, đơn vị phải có giấy xác nhận tương ứng với thời gian công tác;
 - Đối với thí sinh tự do nhưng trước đây đã có thời gian công tác, ngoài những minh chứng nêu tại nội dung trên, cần bổ sung minh chứng đã chấm dứt hợp đồng lao động;
- (8) Bản sao có chứng thực để hưởng chính sách ưu tiên ở Mục 3.7 (nếu có).
- (9) Phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh.

²¹ Thí sinh đang công tác: cơ quan quản lý trực tiếp đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận Thí sinh tự do: địa phương nơi cư trú đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận.

²² Không chấp nhận bản sao điểm/học bạ THPT (chỉ chấp nhận sao y bản chính từ học bạ gốc)

3.9. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn Toán, Hóa học, Vật lý + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

3.10.. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 01-30/6/2023
- Nhận hồ sơ: từ ngày 01-30/7/2023
- Thông báo thí sinh trúng tuyển: trước ngày 30/8/2023
- Tổ chức nhập học: trước ngày 10/9/2023
- Tuyển sinh đợt 2: từ ngày 07/9 đến tháng 12/2023 (nếu có)

3.11. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (nộp trực tiếp tại Trường khi nộp hồ sơ tuyển sinh).

4. Tuyển sinh đại học liên thông vừa làm vừa học cho đối tượng đã có Bằng Cao đẳng ngành Điều dưỡng và ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Người đã có bằng tốt nghiệp Cao đẳng đúng với ngành đào tạo, đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

4.2. Điều kiện tuyển sinh

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại Mục 4.5;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định;
- Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.

4.3. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

4.4. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản cho phép mở mã ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7720301	Điều dưỡng	60	4445/QĐ/BG D&ĐT-ĐH&SDH	21/8/2003	Bộ GD&ĐT	2003
2	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	716/QĐ-ĐHTN	26/4/2017	ĐHTN	2017

4.5. Đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh đạt MỘT trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại Khá trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại Trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (tính đến ngày 30/4/2023);
- Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại Khá trở lên;

4.6. Tổ hợp môn xét tuyển: Toán, Hóa học, Sinh học (lớp 12)

4.7. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên (khu vực, đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022). Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc Trung cấp) và một năm liền kề.

- Điểm cộng khuyến khích theo quy định của Trường²³

TT	Thành tích học tập	Điểm cộng
1	Tốt nghiệp Cao đẳng đạt loại Xuất sắc	1,00
2	Tốt nghiệp Cao đẳng đạt loại Giỏi	0,75
3	Tốt nghiệp Cao đẳng đạt loại Khá	0,50
4	Đã có bằng trình độ Sau đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	1,00
5	Đã có bằng trình độ Đại học (thuộc khối ngành sức khỏe)	0,75
6	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C2	1,00
7	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm C1	0,75
8	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B2	0,50
9	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế với mức điểm B1	0,25

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tính từ ngày cấp đến ngày 30/6/2023 không quá 24 tháng được Trường chấp nhận và quy đổi như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC (IIG Việt Nam cấp)	TOEFL IBT (thi tại IIG Việt Nam)	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests (Bộ GD&ĐT cấp phép)	PTE General
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	5
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE 80-100 FCE	4
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	3
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	2

- Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng và điểm cộng thành tích) đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

4.8. Hồ sơ xét tuyển

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển²⁴ theo mẫu (thí sinh điền đầy đủ thông tin, ký ghi rõ họ tên, dán ảnh đóng dấu giáp lai) có xác nhận theo đúng mẫu của Trường.
- (2) Bản sao Giấy khai sinh (bản sao từ bản gốc);
- (3) Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- (4) Bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng (bản sao có chứng thực);
- (5) Học bạ THPT²⁵ (bản sao có chứng thực);
- (6) Bảng điểm toàn khoá học trình độ Cao đẳng (bản sao có chứng thực);
- (7) Các minh chứng quá trình công tác (bản sao có chứng thực):

²³ Người có nhiều thành tích học tập chỉ được tính một mức điểm cộng cao nhất trong các thành tích.

²⁴ Đối với thí sinh đang công tác, cơ quan quản lý trực tiếp đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận. Đối với thí sinh tự do, địa phương nơi cư trú đóng dấu giáp lai vào ảnh và ký, đóng dấu xác nhận.

²⁵ Không chấp nhận bản sao điểm/học bạ THPT (chỉ chấp nhận sao y bản chính từ học bạ gốc)

- Đối với thí sinh là công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở Y tế công lập: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc Quyết định phân công công tác; Quyết định chuyển mã ngạch (nếu có).

- Đối với thí sinh đang công tác tại các cơ sở Y tế tư nhân và lao động hợp đồng: Hợp đồng lao động; Giấy xác nhận thời gian công tác đúng chuyên môn đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp; Bảng ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề Y được tư nhân của đơn vị công tác. Trường hợp thí sinh công tác tại nhiều cơ quan, đơn vị thì tại mỗi cơ quan đơn vị phải có giấy xác nhận tương ứng với thời gian công tác.

- Đối với thí sinh tự do nhưng trước đây đã có thời gian công tác tại các cơ sở y tế công lập hoặc tư nhân, ngoài những minh chứng trên cần bổ sung minh chứng đã chấm dứt hợp đồng lao động.

(8) Bản sao có chứng thực để hưởng chính sách ưu tiên ở Mục 4.7 (nếu có).

(9) Phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của thí sinh.

4.9. Các thông tin xét tuyển

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn Toán, Hóa học, Sinh học + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Nguyên tắc xét tuyển dựa vào ĐXT, xét lần lượt từ điểm cao đến điểm thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Đối với các thí sinh bằng ĐXT ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 12 làm tiêu chí phụ để xét tuyển.

4.10. Thời gian tổ chức tuyển sinh

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 17/3/2023.

- Nhận hồ sơ: từ ngày 10/4/2023 đến 17h00 ngày 12/5/2023

- Thông báo thí sinh trúng tuyển: dự kiến trước ngày 10/6/2023

- Tổ chức nhập học: dự kiến trước tháng 6/2023

4.11. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/hồ sơ (nộp trực tiếp tại Trường khi nộp hồ sơ tuyển sinh).

V. HỌC PHÍ VÀ LỘ TRÌNH TĂNG HỌC PHÍ

1. Lộ trình tăng học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trường hợp có thay đổi Trường sẽ thông báo cụ thể đến từng khóa/lớp sinh viên.

2. Học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 dự kiến cho các đối tượng đào tạo như sau:

Trình độ	Ngành	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
DH chính quy, DH liên thông chính quy	1. Y khoa	1.430	2.760	3.110	3.500
	2. Răng - Hàm - Mặt	1.430	2.760	3.110	3.500
	3. Y học dự phòng	1.430	2.760	3.110	3.500
	4. Dược học	1.430	2.760	3.110	3.500
	5. Điều dưỡng	1.430	2.090	2.360	2.660
	6. Kỹ thuật xét nghiệm y học	1.430	2.090	2.360	2.660
	7. Hộ sinh	1.430	2.090	2.360	2.660
DH liên thông VLVH, DH VLVH	1. Điều dưỡng	2.145	3.135	3.540	3.990
	2. Kỹ thuật xét nghiệm y học	2.145	3.135	3.540	3.990
	3. Hộ sinh	2.145	3.135	3.540	3.990

Đơn vị tính: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Cán bộ kê khai



Nguyễn Quang Mạnh
Trưởng phòng Đào tạo
Điện thoại: 0915646678

Email: nguyenquangmanh@gmail.com

Ngày 26 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng